TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04-02-2026
V/v "*Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Tuấn Khánh;

Ông Trần Văn Chu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thảo Nguyên– Thư ký Tòa án.

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công K vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 531/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc *"Yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

*<u>Nguyên đơn</u>: Bà **Lê Thị N**, sinh ngày 01/01/1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp PH, xã LT, tỉnh Vĩnh Long

Căn cước công dân số: 083168017409. Cấp ngày 13/6/2022

Bà N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 08/01/2026

*<u>Bị đơn</u>: Ông **Võ Văn K**, sinh ngày 10/6/1959 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp PH1, xã LT, tỉnh Vĩnh Long

Căn cước công dân số: 083059005690. Cấp ngày 09/8/2021

Ông K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 08/01/2026

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/11/2025 và trong quá trình tố tụng, bà Lê Thị N trình bày:

Bà và ông Võ Văn K tự nguyện cưới nhau vào năm 1989 trên tinh thần tự nguyện nhưng đến nay vẫn chưa có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, nên cả hai đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay, bà nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được

nên bà yêu cầu được ly hôn với ông K nhưng do vợ chồng sống chung không có đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa bà và ông K là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Duy P, sinh ngày 01/5/1990 và Võ Duy K1, sinh ngày 09/12/1993. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

** Theo bản tự khai ngày 08/01/2026, biên bản hòa giải ngày 08/01/2026 và trong quá trình tố tụng, ông Võ Văn K trình bày*:

Ông và bà Lê Thị N tự nguyện cưới nhau vào năm 1989 trên tinh thần tự nguyện nhưng đến nay vẫn chưa có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, nên cả hai đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay, ông nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên qua yêu cầu ly hôn của bà N thì ông đồng ý nhưng do vợ chồng sống chung không có đăng ký kết hôn nên ông thống nhất yêu cầu của bà N là yêu cầu không công nhận mối quan hệ giữa ông và bà N là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Duy P, sinh ngày 01/5/1990 và Võ Duy K1, sinh ngày 09/12/1993. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công K các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 08/01/2026. Căn cứ các điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân:

Căn cứ vào đơn xin xác nhận không có đăng ký kết hôn đề ngày 05/11/2025 của bà Lê Thị N gởi Ủy ban nhân dân xã LT, tỉnh Vĩnh Long được xác nhận là bà N, ông K không có đăng ký kết hôn tại xã LT, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án cả bà N, ông K điều khai thống nhất cho đến thời điểm hiện tại vẫn không có đăng ký kết hôn.

Bà N và ông K có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định, lẽ ra ông bà phải thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Điều

8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông bà không thực hiện. Cho nên căn cứ vào Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì quan hệ giữa bà N và ông K là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Như vậy, về cơ sở pháp lý không công nhận mối quan hệ giữa bà Lê Thị N và ông Võ Văn K là vợ chồng.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Duy P, sinh ngày 01/5/1990 và Võ Duy K1, sinh ngày 09/12/1993. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung: Không có

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Lê Thị N phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9; Điều 14; Điều 15, 16, 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngy 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận mối quan hệ giữa bà Lê Thị N và ông Võ Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Duy P, sinh ngày 01/5/1990 và Võ Duy K1, sinh ngày 09/12/1993. Hiện cả hai con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên không xét đến.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Lê Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0010353 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Lọng;
- VKSND khu vực 8 – Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã LT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Quốc Duy